

*Bảo Thắng, ngày 08 tháng 7 năm 2024*

Số: 01/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ  
V/v "Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật"**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Hoàng Thị Giang Thanh

*Thư ký phiên họp:* Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng tham gia phiên họp:* Bà Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 139/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tổ tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Hội liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai

Địa chỉ: thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Hải T - Chức vụ: Chủ tịch

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đặng Văn C

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có mặt.

Chị Trương Thị M

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai

Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự nộp ngày 14/6/2024 và bản tự khai, nguyên đơn Hội liên hiệp phụ nữ huyện B trình bày:

Chị Trương Thị M sinh ngày 15/08/1996 và anh Đặng Văn C sinh ngày 15/05/1990 hiện đang cư trú tại thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai có đăng ký

kết hôn ngày 10/05/2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Khi kết hôn chị Trương Thị M mới 16 tuổi 8 tháng 25 ngày, vi phạm điều kiện kết hôn: Chưa đủ độ tuổi kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Bên cạnh đó hiện nay anh chị không còn chung sống cùng nhau nữa. Vì vậy Hội Liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Thắng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Trương Thị M và anh Đặng Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đặng Văn C tại bản tự khai ngày 24/6/2024 anh trình bày: Anh thừa nhận ngày 10/5/2013 đã đăng ký kết hôn với chị Trương Thị M tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B là đúng. Chị M sinh ngày 15/8/1996, thời điểm đăng ký kết hôn chưa đủ tuổi nên anh chị đã tự khai năm sinh của chị M là 1995 để đủ tuổi đăng ký kết hôn. Từ khi kết hôn anh chị chung sống với nhau và có 02 con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Thời điểm hiện tại chị M đã đủ tuổi kết hôn, tuy nhiên thực tế anh chị không còn chung sống với nhau và không muốn duy trì hôn nhân. Vì vậy anh nhất trí đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị M. Về con chung, anh và chị M có hai con chung là cháu Đặng Minh H sinh ngày 18/02/2013 và cháu Đặng Minh Đ sinh ngày 03/4/2015. Hiện các cháu khoẻ mạnh bình thường và đang ở cùng anh. Anh C đề nghị giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu chị M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Đặng Minh Đ là 1.300.000đ/tháng. Ngoài ra anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị M tại bản tự khai ngày 25/6/2024 chị công nhận các nội dung anh Đặng Văn C trình bày là đúng. Thời điểm đăng ký kết hôn với anh C thì chị M chưa đủ tuổi theo quy định nhưng chị đã tự khai mình sinh năm 1995 để được đăng ký kết hôn. Nay chị và anh C đã không còn chung sống với nhau nên chị nhất trí hủy kết hôn với anh C. Về con chung, chị nhất trí để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Đặng Minh H và cháu Đặng Minh Đ, chị cũng nhất trí cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho cháu Đặng Minh Đ là 1.300.000đ/tháng. Ngoài ra anh chị không có tài sản chung, không có công nợ chung.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng:

Căn cứ Điều 29, 35, 39, Điều 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 10, 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của Hội Liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai. Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Văn C và chị Trương Thị M. Về con chung, giao cháu Đặng Minh H và Đặng Minh Đ cho anh C trực

tiếp nuôi dưỡng, chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đ là 1.300.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng nhận định:

[1]. Về tố tụng: Hội liên hiệp phụ nữ huyện Bảo Thắng yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật của anh Đặng Văn C và chị Trương Thị M, anh C và chị M đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện B. Căn cứ Điều 29, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng. Tại phiên họp người đại diện hợp pháp của Hội liên hiệp phụ nữ huyện B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt đương sự.

[2]. Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: Tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/2013 ngày 10/5/2013 thì chị Trương Thị M đã kết hôn với anh Đặng Văn C tại ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Bản thân chị M thừa nhận khi đăng ký kết hôn chị đã khai năm sinh của mình là 1995. Thực tế theo giấy khai sinh của chị Trương Thị M tại Ủy ban nhân dân xã S ngày 01/3/2004 thì chị Trương Thị M sinh ngày 15/8/1996. Như vậy thời điểm đăng ký kết hôn thì anh C đã đủ tuổi theo quy định, chị M mới 16 tuổi 8 tháng 25 ngày, vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 về điều kiện kết hôn là "nữ từ mười tám tuổi trở lên". Ngoài ra anh C và chị M không vi phạm điều kiện kết hôn nào khác.

Xét thấy thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ việc thì chị M đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, tuy nhiên theo lời khai của chị M và anh C thì anh chị đều công nhận anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2016 đến nay. Hiện tại anh chị không muốn tiếp tục duy trì hôn nhân và nhất trí với yêu cầu của Hội Liên hiệp phụ nữ Bảo Thắng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ huyện B, huỷ kết hôn trái pháp luật của anh Đặng Văn C và chị Trương Thị M.

[3]. Về hậu quả của việc huỷ kết hôn trái pháp luật.

Trong thời gian chung sống anh Đặng Văn C và chị Trương Thị M có hai con chung là cháu Đặng Minh H sinh ngày 18/02/2013 và cháu Đặng Minh Đ sinh ngày 03/4/2015, các cháu khoẻ mạnh bình thường và hiện đang sống cùng anh C. Tòa án đã hỏi ý kiến của cháu H và cháu Đ, cả hai cháu đều có nguyện vọng muốn ở với bố. Quá trình giải quyết vụ việc, chị M và anh C đã thống nhất để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, chị M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đặng Minh Đ là 1.300.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành đủ

18 tuổi. Anh C và chị M đã cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập của bản thân. Xét thấy thoả thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần chấp nhận. Ngoài ra anh chị không có tài sản công nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Hội liên hiệp phụ nữ huyện B không phải nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; điểm d khoản 2 Điều 10, Điều 11, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của Hội liên hiệp phụ nữ huyện B, tỉnh Lào Cai

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Đặng Văn C và chị Trương Thị M theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63/2013, quyển số 01/2013 ngày 10/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Anh Đặng Văn C và chị Trương Thị M phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Minh H sinh ngày 18/02/2013 và cháu Đặng Minh Đ sinh ngày 03/4/2015 cho anh Đặng Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị M có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Đặng Minh Đ là 1.300.000đ/tháng cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh Đặng Văn C có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng cho đến khi thi hành án xong, chị Trương Thị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Hội liên hiệp phụ nữ huyện Bảo T1 không phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Hội liên hiệp phụ nữ huyện B và chị Trương Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Anh Đặng Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT;
- Đương sự (3);

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

- Chi cục THADS huyện BT;
- UBND xã Xuân Quang;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**Hoàng Thị Giang Thanh**